TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 117/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2023
"V/v Ly hôn giữa chị X và anh P"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị X**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp n, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn P**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp m, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Thị X trình bày như sau:

Chị Nguyễn Thị X (gọi tắt là chị X) và anh Nguyễn Văn P (gọi tắt là anh P) chung sống với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện và thực hiện đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/01/2017 theo quy định.

Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân giữa vợ chồng không có sự hòa hợp thường xảy ra cự cãi bất hòa không tìm được tiếng nói chung và không cùng chung quan điểm sống. Khi chị X mới sinh con được 06 tháng tuổi thì anh P cặp bồ với người phụ nữ khác không còn quan tâm đến vợ con và vợ chồng chính thức ly thân từ cuối năm 2018. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh P không một lần tới lui thăm con chung và cũng không cấp dưỡng nuôi con. Đến nay anh P đã lấy vợ khác sinh con khác, hôn nhân của chị X và anh P không thể hàn gắn nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị X xác định vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/7/2017. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay con chung sống với chị X, khi ly hôn chị X xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh K, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị X xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt , không có yêu cầu phản tố và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản công chứng); giấy khai sinh của con chung vợ chồng (bản sao); Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn anh Phi đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tai phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị X được ly hôn với anh P; về con chung áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/7/2017 cho chị X tiếp tục nuôi

dưỡng, chị X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị X yêu cầu ly hôn với anh P và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Chị X và anh P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị X, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của chị X và anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do sau một thời gian chung sống vợ chồng không có sự hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, anh P có quan hệ ngoại tình với phụ nữ khác và vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân anh P không có trách nhiệm gì với vợ con, hiện tại mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã mở phiên hòa giải đoàn tụ nhưng anh P và chị X không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị X, cho chị X được ly hôn với anh P**.**

Về con chung: Chị X và anh P có một người con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/7/2017. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung sống với chị X có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường, hiện tại chị X có chỗ ở ổn định và có thu nhập để nuôi dưỡng con chung đồng thời anh P không có ý kiến phản đối việc chị X yêu cầu được nuôi con, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Anh K cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng để không làm xáo trộn cuộc sống của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị X là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/7/2017 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn P ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị X không yêu cầu anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không ai có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003820 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị X đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Thái;

- Lưu, HS, VP.

Đinh Thị Thơm